

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Km 35, quốc lộ 51, Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai.
Điện thoại : 061 3841 578; Fax: 061 3841 577
Email : contact@ngohanwire.com;
Website : www.ngohanwire.com / www.ngohanwire.vn

CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Số 32, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM.
Điện thoại : 08 3512 4120; Fax: 08 3512 4121

MỤC LỤC

| | | |
|------|---|----|
| I. | THÔNG TIN CHUNG | 3 |
| 1. | Thông tin khái quát | 3 |
| 2. | Quá trình hình thành và phát triển..... | 3 |
| 3. | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh..... | 4 |
| 4. | Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 5 |
| 5. | Định hướng phát triển | 7 |
| 6. | Các rủi ro..... | 8 |
| II. | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM..... | 9 |
| 1. | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 9 |
| 2. | Tổ chức và nhân sự | 11 |
| 3. | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án..... | 13 |
| 4. | Tình hình tài chính | 14 |
| 5. | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu..... | 15 |
| III. | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC..... | 17 |
| 1. | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 17 |
| 2. | Tình hình tài chính | 17 |
| 3. | Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 18 |
| IV. | ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 19 |
| 1. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty | 19 |
| 2. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty..... | 19 |
| 3. | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 20 |
| V. | QUẢN TRỊ CÔNG TY | 21 |
| 1. | Hội đồng quản trị | 21 |
| 2. | Ban kiểm soát..... | 23 |
| 3. | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD & BKS:..... | 23 |
| VI. | BÁO CÁO TÀI CHÍNH..... | 24 |
| 1. | Ý kiến kiểm toán | 24 |
| 2. | Báo cáo tài chính được kiểm toán | 25 |

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch tiếng việt : CÔNG TY CỔ PHẦN NGÔ HAN
- Tên giao dịch quốc tế : NGO HAN JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : NHW
- Logo của công ty :



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển đổi loại hình thành công ty Cổ Phần lần đầu số 4703000102 ngày 26/04/2004 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và thay đổi lần 7 ngày 05/01/2011.
- Vốn điều lệ: 229.506.273.435 đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng).
- Trụ sở chính:
 - Địa chỉ: Ấp Hiền Đức, xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
 - Điện thoại: (061) 3841578; Fax: (061) 3841577
 - Email: contact@ngohanwire.com
 - Website: www.ngohanwire.com ; www.ngohanwire.vn
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngô Han:
 - Địa chỉ: Số 32, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
 - Điện thoại: (08) 3521 4120; Fax: (08) 3521 4121
- Mã cổ phiếu: NHW

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1987, ông Nguyễn Văn Sung và bà Ngô Thị Thông đồng sáng lập cơ sở sản xuất dây điện từ Ngô Han, với kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong ngành công nghiệp điện, cả hai đã khởi đầu hoạt động sản xuất kinh doanh như một doanh nghiệp gia đình.

Từ năm 2000, công ty bắt đầu áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO:9001, tiếp theo đó là ISO 14000, SA 8000; thành lập và vận hành phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025 và sản xuất thành công sản phẩm có chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế như JIS, IEC, NEMA... Đặc biệt, năm 2003 Ngô Han là công ty sản xuất dây điện từ đầu tiên tại Việt Nam đạt được chứng chỉ chất lượng UL (Underwriters Laboratory), đồng thời được UBND TP.HCM bình chọn vào đợt đầu tiên của chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực của thành phố năm 2003-2005 và cho đến thời điểm hiện nay, Ngô Han đã chiếm lĩnh được khoảng 40% thị phần của thị trường dây điện từ tại Việt Nam.

Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần vào năm 2004, Ngô Han đã thu hút được sự tham gia đầu tư của các quỹ đầu tư lớn như Mekong Enterprise Fund I, Mekong Enterprise Fund II, VietCapital, ngân hàng BIDV.

Đến ngày 26 tháng 1 năm 2010, Ngô Han với mã chứng khoán NHIW đã chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Giao dịch Chứng khoán TP.HCM vào ngày 12/01/2010 theo Quyết định số 03/QĐ - SGDHCM của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM và chính thức giao dịch vào ngày 26/01/2010, cụ thể:

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: NHIW
- Mệnh giá: 10.000 đồng.
- Số lượng chứng khoán niêm yết: 22.950.627 cổ phiếu (Hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm hai mươi bảy cổ phiếu).
- Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 229.506.270.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Các mốc phát triển của Công ty:

- 1987 : Thành lập Cơ sở sản xuất dây điện từ Ngô Han, trụ sở đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1996 : Thành lập Công ty TNHH Ngô Han, xây dựng nhà máy mới và chuyển trụ sở chính về Đồng Nai với vốn điều lệ 50 tỷ đồng.
- 2004 : Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Ngô Han, Mekong Enterprise Fund I đầu tư vào 1.85 triệu USD, tăng vốn điều lệ lên 63,214,290,000 đồng.
- 2007 : Tăng vốn điều lệ lên 227,233,930,000 đồng, tiếp tục phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược như Mekong Enterprise Fund II, VietCapital, NH BIDV...
- 2009 : Tăng vốn điều lệ lên 229,506,270,000 đồng.
- 2010 : Chính thức niêm yết cổ phiếu trên SGD Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- 2011 : Thành lập Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Ngô Han.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất nguyên liệu đồng nhôm; dây và cáp điện và các sản phẩm liên quan;
- Mua bán nguyên vật liệu đồng, nhôm, sơn cách điện, giấy cách điện, dây điện từ; dây và cáp điện.
- Mua bán phế liệu, phế thải kim loại (trừ các chất thải nguy hại theo danh mục tại Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sản xuất mô tơ, máy phát; biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; thiết bị dây dẫn điện các loại; thiết bị điện chiếu sáng; đồ điện dân dụng; thiết bị điện khác.
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy); máy bơm, máy nén, vòi và van khác; dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén; máy thông dụng khác.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hệ thống điện.

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Bán buôn tổng hợp.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

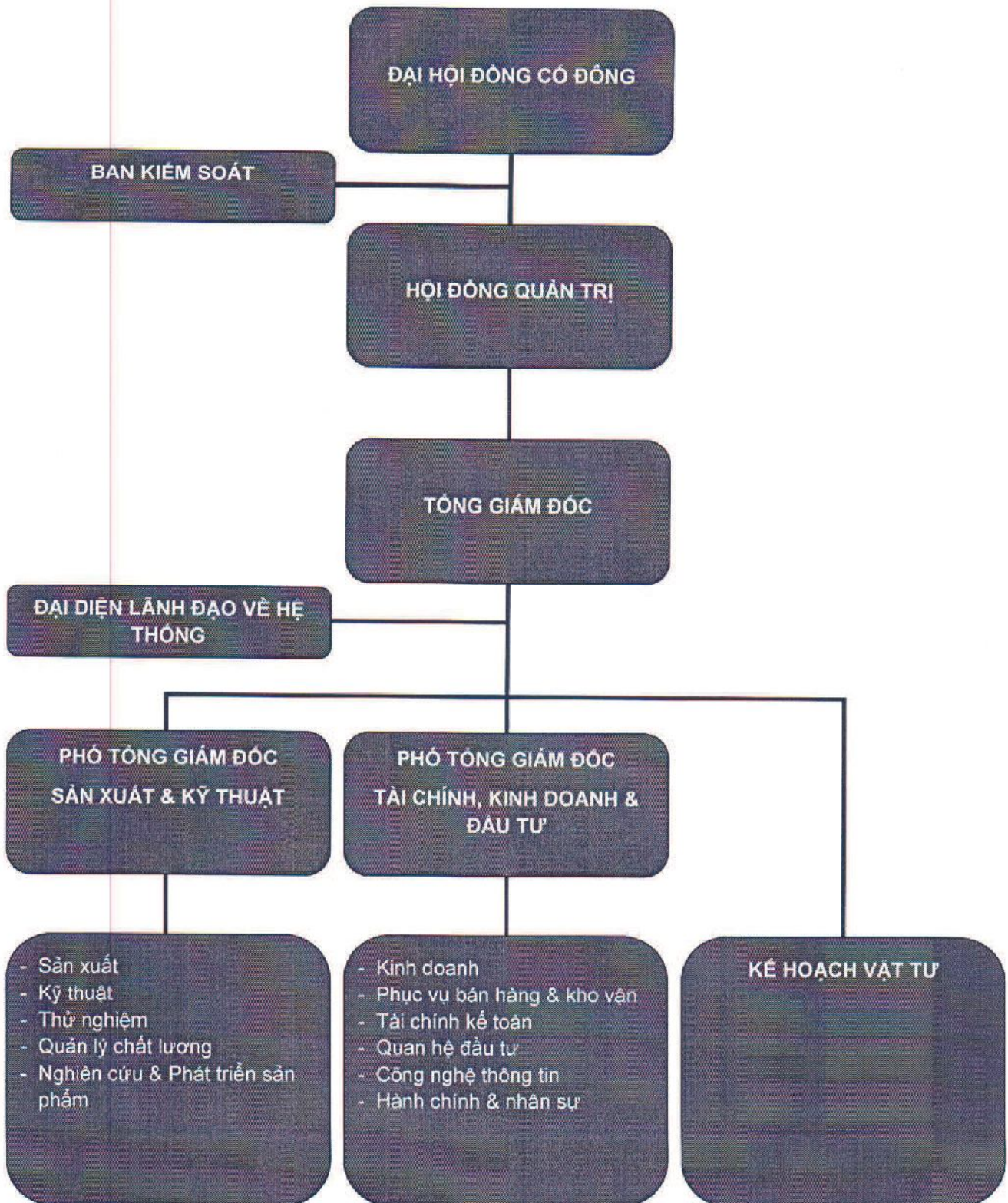
Mô hình quản trị

Ngay từ những ngày đầu thành lập, với mục tiêu trở thành một trong năm công ty hàng đầu khu vực Đông Nam Á về sản xuất dây điện tử, Ông Nguyễn Văn Sung – người sáng lập công ty đã đặt nhân tố con người lên hàng đầu. Ông đã rất chú trọng đến công tác tuyển chọn, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đủ “tâm và tầm” để cùng lãnh đạo Ngô Han ổn định, phát triển đột phá không ngừng trong suốt 20 năm qua. Ông đã trực tiếp lựa chọn và tuyển dụng những nhân tố xuất sắc từ các trường đại học nổi tiếng để huấn luyện đào tạo thực tế về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn và khả năng quản lý điều hành, cũng như có nhiều chính sách để thu hút nguồn nhân lực giỏi và đã có đầy đủ kinh nghiệm từ bên ngoài. Đến nay, Ngô Han đã sở hữu một đội ngũ lãnh đạo trẻ, năng động và đủ năng lực để điều hành, kế thừa sự nghiệp lãnh đạo tại Ngô Han ở tầm cao mới và nó đã thật sự trở thành một yếu tố cốt lõi tạo nên giá trị vượt trội của Ngô Han.

Sự lớn mạnh của Ngô Han như hôm nay không thể không nhắc đến Bà Ngô Thị Thông – đồng sáng lập Công ty Cổ phần Ngô Han, hiện đang giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty. Bà Thông được biết đến như là một chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh nguyên liệu đồng và dây điện tử. Bà Thông đã cùng với các cộng sự của mình lãnh đạo điều hành Công ty vượt qua rất nhiều khó khăn thách thức kể từ khi Bà chính thức tiếp quản công ty trên vai trò Chủ tịch HĐQT vào cuối năm 2006. Và Bà đã khẳng định rằng để đạt được những kết quả như vậy cũng chính là nhờ vào một tập thể lãnh đạo trẻ, năng động và đầy nhiệt huyết mà hiện nay Ngô Han đang sở hữu.

Bên cạnh đó, với chiến lược “bán bớt một phần để phát triển hơn” của người sáng lập nên Ngô Han đã sớm tiếp cận được nguồn vốn, đặc biệt là tiếp cận được các phương pháp và kỹ năng quản trị tiên tiến trên thế giới từ quỹ đầu tư lớn như Mekong Enterprise Fund, Mekong Enterprise Fund II,....Điều này đã giúp các nhà lãnh đạo điều hành của Ngô Han bổ sung kiến thức và kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp để góp phần giúp Ngô Han không ngừng gia tăng giá trị, khẳng định được vị thế hàng đầu của mình tại thị trường trong nước và khu vực.

Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý



Công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch Vụ Ngô Han.

- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: 32 D2, P.25, Bình Thạnh, TP.HCM.
- ❖ Ngành, nghề kinh doanh:
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
 - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
 - Lắp đặt hệ thống điện.
 - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- ❖ Vốn điều lệ thực góp: 8.000.000.000 đồng. (Tám tỷ đồng)
- ❖ Tỷ lệ sở hữu: 100%.

5. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển của Ngô Han là tiếp tục tập trung chủ lực vào lĩnh vực dây điện từ vốn là lợi thế cạnh tranh trong suốt những năm qua và sẽ tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh này bằng cách sản xuất ra những sản phẩm dây điện từ có sự khác biệt với đối thủ cạnh tranh như dây điện từ có cấp nhiệt cao hơn, dây điện từ siêu mỏng dùng trong các thiết bị tự động, sử dụng cho các loại cáp tín hiệu, cáp điều khiển ...

Ngoài sản phẩm dây điện từ, Ngô Han còn tập trung vào việc đầu tư nghiên cứu và đưa ra thị trường những sản phẩm mới có sử dụng nguồn nguyên vật liệu đồng đầu vào như đồng thanh cái Busbar, sản phẩm này đã được Ngô Han sản xuất và tung vào thị trường trong quý 4/2009, đây là một trong những sản phẩm khá đặc thù và trong những năm qua Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài mà chưa thể sản xuất được ở trong nước. Trong năm 2011, Ngô Han đã cho ra đời sản phẩm mới đó chính là dây cáp điện, với ưu thế về nguyên liệu đồng được mua trên thị trường LME đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, độ an toàn và tiết kiệm điện cho sản phẩm này. Cùng với việc thành lập Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Ngô Han, công ty với 100% vốn đầu tư của Ngô Han, chuyên về kinh doanh các sản phẩm thiết bị điện như dây cáp điện, công tắc, ổ cắm, thiết bị đóng ngắt, thiết bị bảo vệ, thiết bị chiếu sáng.

Hiện nay, Ngô Han đang tập trung vào việc mở rộng thị trường bán lẻ tại khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Tây và các tỉnh Tây Nguyên. Bên cạnh đó, Ngô Han tiếp tục tập trung vào việc củng cố, mở rộng phân khúc thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á, Châu Á và cả một số nước Châu Âu.

6. Các rủi ro

- ❖ Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào: Giá vốn hàng bán luôn chiếm trên 90% doanh thu của Công ty, vì vậy việc quản trị giá đồng cathode đầu vào có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngô Han.
- ❖ Rủi ro về tỷ giá: Nguồn nguyên vật liệu phần lớn phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu và chịu ảnh hưởng rất lớn từ sự trượt giá của VND trong thời gian qua.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

❖ Sản lượng bán hàng

| Loại dây (tấn) | 2011 | 2012 | KH2012 | 2012/2011 | 2012/KH 2012 |
|--------------------|--------------|--------------|--------------|-------------|--------------|
| Dây đồng trần | 1,318 | 2,658 | 1,200 | 202% | 222% |
| Dây đồng tráng men | 3,125 | 2,967 | 4,031 | 95% | 74% |
| Dây đồng dẹp | 968 | 812 | 1,203 | 84% | 68% |
| Busbar | 596 | 851 | 783 | 143% | 109% |
| Dây nhôm | 286 | 241 | 320 | 84% | 75% |
| Tổng cộng | 6,293 | 7,529 | 7,536 | 120% | 99.9% |

❖ Tóm tắt kết quả kinh doanh năm 2012:

| Chỉ tiêu (ĐVT: tỷ đồng) | 2011 | 2012 | KH2012 | 2012/2011 | 2012/KH 2012 |
|-------------------------|----------|----------|----------|-----------|--------------|
| Doanh thu thuần | 1,395.83 | 1,639.97 | 1,569.46 | 117% | 104% |
| Lợi nhuận gộp | 115.23 | 77.36 | 150.58 | 67% | 51% |
| Tổng chi phí | 74.44 | 45.81 | 76.34 | 62% | 60% |
| LN trước thuế | 53.48 | 37.36 | 74.24 | 70% | 50% |
| Lợi nhuận ròng | 44.15 | 30.66 | 55.68 | 69% | 55% |

❖ Cơ cấu lợi nhuận gộp

| Chỉ tiêu (tấn, trđ) | 2011 | | | 2012 | | |
|------------------------|--------------|----------------|-------------|--------------|---------------|-------------|
| | Sản lượng | LN Gộp | % | Sản lượng | LN Gộp | % |
| Dây đồng trần | 1,318 | 6,650 | 6% | 2,658 | 3,592 | 5% |
| Dây đồng tráng men | 3,125 | 64,827 | 57% | 2,967 | 37,781 | 49% |
| Dây đồng dẹp | 968 | 21,049 | 19% | 812 | 14,309 | 19% |
| Busbar | 596 | 11,633 | 10% | 851 | 11,652 | 15% |
| Dây nhôm | 286 | 9,577 | 8% | 241 | 6,521 | 9% |
| Cathode | 381 | (664) | -1% | 1,346 | 2,607 | 3% |
| Tổng cộng | 6,674 | 113,072 | 100% | 8,875 | 76,462 | 100% |

❖ Hiệu suất sử dụng chi phí:

| Chỉ tiêu (ĐVT: tỷ đồng) | 2011 | 2012 | 2012-2011 | 2012/2011 |
|-------------------------|---------|---------|-----------|-----------|
| Giá vốn hàng bán | 1,281.0 | 1,563.0 | 282.0 | 122% |
| Chi phí bán hàng | 8.0 | 9.2 | 1.2 | 115% |
| Chi phí quản lý | 16.1 | 14.6 | (1.5) | 91% |
| Chi phí tài chính | 50.3 | 21.9 | (28.4) | 44% |
| Doanh thu tài chính | 12.6 | 4.6 | (8.0) | 37% |

| | | | | |
|----------------------------------|----------------|----------------|--------------|-------------|
| Tổng chi phí SXKD | 1,368.0 | 1,613.3 | 245.3 | 118% |
| Doanh thu thuần | 1,395.8 | 1,640.0 | 244.1 | 117% |
| Hiệu suất sử dụng chi phí | 1.020 | 1.017 | | 100% |

❖ Chi phí giá vốn:

| Chỉ tiêu (ĐVT: Ngàn đồng) | 2010 | 2011 | 2012 |
|--------------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| Doanh thu thuần | 1,215,584,596 | 1,395,826,461 | 1,639,968,969 |
| <i>Tăng trưởng DTT</i> | <i>20.9%</i> | <i>14.8%</i> | <i>17.5%</i> |
| Giá vốn hàng bán | 1,106,216,120 | 1,280,593,455 | 1,562,612,510 |
| Lợi nhuận gộp | 109,368,476 | 115,233,006 | 77,356,459 |
| LN Gộp/ Doanh thu | 9% | 8% | 5% |

❖ Chi phí bán hàng:

| Chỉ tiêu (ĐVT: tỷ đồng) | 2011 | 2012 | 2012-2011 | 2012/2011 |
|------------------------------------|-------------|-------------|------------------|------------------|
| Chi phí bán hàng | 8.00 | 9.20 | 1.20 | 115% |
| Chi phí nhân viên | 2.78 | 2.98 | 0.20 | 107% |
| Chi phí hoạt động | 5.22 | 6.22 | 1.00 | 119% |
| Doanh thu thuần | 1,395.83 | 1,639.97 | 244.14 | 117% |
| CP bán hàng/ Doanh thu | 0.57% | 0.56% | -0.01% | 98% |

❖ Chi phí tài chính:

| Chỉ tiêu (ĐVT: tỷ đồng) | 2011 | 2012 | 2012-2011 | 2012/2011 |
|------------------------------------|-------------|-------------|------------------|------------------|
| Chi phí tài chính | 50.3 | 21.9 | -28.4 | 44% |
| <i>Chi phí lãi vay</i> | <i>17.6</i> | <i>17.0</i> | <i>-0.6</i> | <i>96%</i> |
| <i>Chi phí tài chính khác</i> | <i>32.6</i> | <i>4.9</i> | <i>-27.7</i> | <i>15%</i> |
| Doanh thu tài chính | 12.6 | 4.6 | -8.0 | 36% |
| Chi phí tài chính ròng | 37.7 | 17.3 | -20.4 | 46% |

❖ Chi phí quản lý:

| Chỉ tiêu (ĐVT: tỷ đồng) | 2011 | 2012 | 2012-2011 | 2012/2011 |
|------------------------------------|--------------|--------------|------------------|------------------|
| Chi phí quản lý | 16.2 | 14.6 | 0.9 | 90% |
| Chi phí nhân viên quản lý | 4.56 | 2.29 | 0.5 | 50% |
| Chi phí hoạt động | 11.6 | 12.3 | 1.1 | 106% |
| Doanh thu thuần | 1,395.8 | 1,640.0 | 1.2 | 117% |
| CPQL/DTT | 1.16% | 0.89% | 77% | 77% |

❖ Tình hình tài sản:

| DIỄN GIẢI | MÃ | 31/12/2011 | 31/12/2012 |
|---|------------|--------------------|--------------------|
| A. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | 100 | 576,526,134 | 678,194,451 |
| I. Tiền và tương đương tiền | 110 | 21,910,200 | 48,967,759 |
| II. Các khoản phải thu | 130 | 196,280,290 | 287,806,108 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 347,320,398 | 326,597,384 |
| B. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn | 200 | 100,825,807 | 110,204,019 |
| I. Tài sản cố định | 220 | 95,620,053 | 102,480,363 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | 677,351,940 | 788,398,470 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 388,618,760 | 513,856,880 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 380,189,126 | 513,856,880 |
| II. Nợ và vay dài hạn | 330 | 8,429,634 | |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 288,733,180 | 274,541,590 |
| I. Nguồn vốn CSH | 410 | 229,506,273 | 229,506,273 |
| II. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | 58,896,684 | 45,035,316 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | 677,351,940 | 788,398,470 |

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

❖ Bà Ngô Thị Thông – Tổng Giám Đốc

Chức vụ: Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 01/ 2006 - nay

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ngân Hàng

- Trước 01/ 2006

Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Ngân Hàng

Đại diện:

0 cổ phần

Cá nhân:

5.826.743 cổ phần

Những người có liên quan:

Nguyễn Vũ Dương (con): 2.216.709

Nguyễn Văn Vũ Lượng (con): 1.497.776

❖ Ông Nguyễn Anh Tuấn – Phó Tổng Giám Đốc.

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh quốc tế.

Quá trình công tác:

- Từ 2010 – nay

Phó Tổng Giám Đốc, Khối Tài Chính – Kinh Doanh – Đầu tư, CTCP Ngân Hàng

- Từ 2005 - 05/2010 Giám đốc Tài chính - Quản trị - Quan hệ đầu tư - CTCP Ngô Han
 - 2002-2005: Phó Giám đốc Chi nhánh - Cty Bình Tiên (Biti's)
 - 2000-2002: Kế toán viên - SGE-Schiendler JV Co.,
 - Đại diện: 0 cổ phần
 - Cá nhân: 9.099 cổ phần
- ❖ **Ông Huỳnh Quốc Thái – Phó Tổng Giám Đốc.**
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - Điện tử.
- Quá trình công tác:
- Từ 05/2010 – nay Phó Tổng Giám Đốc, Khối Sản xuất – CTCP Ngô Han
 - Từ 02/ 1998 – 05/2010 Giám đốc Sản xuất Cty Cổ phần Ngô Han
- Đại diện: 0 cổ phần
- Cá nhân: 18.179 cổ phần
- ❖ **Ông Phạm Thanh Quang – Giám đốc Kế hoạch vật tư**
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại thương
- Quá trình công tác:
- Từ 2007 - nay Giám đốc Kế hoạch Vật tư – CTCP Ngô Han
 - 2004-2007: Trưởng phòng Kinh doanh-Hanwha Corporation HCMC
 - 2003-2004: Trưởng phòng Kinh doanh- New Asia Engineering& Trading Pte.,Ltd
 - 1996-2002: Trưởng văn phòng Marubeni HCM – Marubeni Corporation
- Đại diện: 0 cổ phần
- Cá nhân: 9.179 cổ phần
- ❖ **Ông Hồ Thanh Tâm – Giám đốc chất lượng**

| | |
|--|---|
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. |
| Quá trình công tác: | |
| - 1997-1998: | Kỹ sư điện - Saigon Engineering Company (SGE) |
| - 1998-2005: | Kỹ sư trưởng – Phòng Kỹ thuật quy trình - Fujitsu Computer Products Việt Nam. |
| - 2005-2006: | Trưởng phòng Sản xuất - RKW-LOTUS Co., |
| - 2006-nay | Giám đốc Chất lượng – CTCP Ngô Han. |
| Đại diện: | 0 cổ phần |
| Cá nhân: | 18.179 cổ phần |
| ❖ Bà Nguyễn Thị Hương – Kế toán trưởng. | |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Kế toán Kiểm toán. |
| Quá trình công tác: | |
| - Từ 2007 – nay | Kế toán trưởng Cty Cổ phần Ngô Han |
| - 2005 – 2007 | Kế toán tổng hợp CTCP Ngô Han |
| - 2002 – 2005 | Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng phân phối, CTCP Điện tử Huế (Huetronisc) |
| Đại diện: | 0 cổ phần |
| Cá nhân: | 6.817 cổ phần |

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Báo cáo tài chính công ty con:

| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Mã | 2012 |
|---|------------|-----------------------|
| TÀI SẢN | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 28,499,350,719 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 445,299,049 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 0 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 197,954,491 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 25,416,228,712 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 2,439,868,467 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 0 |
| I. Bất động sản đầu tư | 240 | 0 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 0 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | 0 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 28,499,350,719 |
| NGUỒN VỐN | | |

| | | |
|--------------------------------------|------------|-----------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 20,457,249,820 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 20,457,249,820 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 0 |
| B - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 8,042,100,899 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 8,042,100,899 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 8,000,000,000 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | 42,100,899 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 0 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 28,499,350,719 |

| Stt | KẾT QUẢ KINH DOANH | 2012 |
|-----------|--|----------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3,905,867,210 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 0 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3,905,867,210 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 3,000,885,534 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 904,981,676 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 2,928,206 |
| 7 | Chi phí tài chính | 0 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 849,365,992 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 7,505,500 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 51,038,390 |
| 11 | Thu nhập khác | 0 |
| 12 | Chi phí khác | 6,997 |
| 13 | Lợi nhuận khác | -6,997 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 51,031,393 |
| 15 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 8,930,494 |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 42,100,899 |

4. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính:

| CHỈ TIÊU | NĂM 2011 | NĂM 2012 | % TĂNG GIẢM |
|----------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| Tổng tài sản | 688,888,003,108 | 788,398,469,547 | 14% |
| Doanh thu thuần | 1,395,826,461,431 | 1,639,968,969,165 | 17% |
| Lợi nhuận từ HKKD | 53,348,936,144 | 36,232,409,522 | -32% |
| Lợi nhuận khác | 131,229,000 | 1,127,190,812 | 759% |
| Lợi nhuận trước thuế | 53,480,165,144 | 37,359,600,334 | -30% |
| Lợi nhuận sau thuế | 44,149,514,807 | 30,657,311,026 | -31% |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| CÁC CHỈ TIÊU | NĂM 2011 | NĂM 2012 | GHI CHÚ |
|--|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/ Nợ ngắn hạn | 1.53 | 1.32 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | 0.60 | 0.68 | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số nợ/TTS | 0.57 | 0.65 | |
| + Hệ số nợ/Vốn CSH | 1.31 | 1.87 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/Hàng tồn kho bình quân | 3.69 | 4.78 | |
| + DTT/TTS | 2.09 | 2.08 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số LNST/DTT | 0.03 | 0.02 | |
| + Hệ số LNST/Vốn CSH | 0.15 | 0.11 | |
| + Hệ số LNST/TTS | 0.07 | 0.04 | |
| + Hệ số LN từ HĐKD/DTT | 0.04 | 0.02 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Cổ phần:

- ❖ Khối lượng cổ phiếu niêm yết: 22,950,627cp.
- ❖ Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 22,868,222cp.
- ❖ Khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 22,842,016cp.

Cơ cấu cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần:

| Tên cổ đông | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|---|--|------------|-----------|
| Ngô Thị Thông | 102/1A Lý Chiêu Hoàng, P.10, Q.6, TP.HCM | 5.826.743 | 25,4% |
| Mekong Enterprise Fund (đại diện sở hữu: Chris Freund) | Mekong Capital Ltd Lầu 8, 6 Thái Văn Lung, Q.1, TP.HCM | 4.750.089 | 20,7% |
| Mekong Enterprise Fund II (đại diện sở hữu: Chris Freund) | Mekong Capital Ltd Lầu 8, 6 Thái Văn Lung, Q.1, TP.HCM | 2.066.930 | 9,0% |

| | | | |
|---|--|-------------------|--------------|
| Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (đại diện sở hữu: Ông Trịnh Minh Hưng) | Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | 2.499.573 | 10,9% |
| Nguyễn Vũ Dương | 102/1A Lý Chiêu Hoàng, P.10, Q.6, TP.HCM | 2.216.709 | 9,7% |
| Nguyễn Văn Vũ Lượng | Unit 3F 91-93 Sandown Rd Springvale, Victoria 3171 Australia | 1.497.776 | 6,5% |
| Tổng | | 18.867.820 | 82,2% |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

| Thời gian | Vốn điều lệ thực góp | Hình thức tăng vốn điều lệ |
|------------|----------------------|---|
| 26/04/2004 | 50.000.000.000 | Thành lập công ty cổ phần |
| 03/05/2004 | 63.214.290.000 | Phát hành cho cổ đông chiến lược |
| 09/05/2007 | 227.233.930.000 | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu |
| 10/10/2009 | 229.506.270.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên |

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- ❖ Khối lượng cổ phiếu quỹ: 12.716cp.
- ❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ: phân phối cổ phiếu thưởng cho CB-CNV từ nguồn cổ phiếu quỹ, thời gian thực hiện: 01/04/2012.

| Stt | Họ và tên | Vị trí/Chức vụ | Số CP |
|-----|-----------------|------------------------------|-------|
| 1 | Đỗ Xuân Phúc | TP. Kế toán quản trị & IR/PR | 380 |
| 2 | Tạ Thùy Nga | TP. Kinh doanh | 380 |
| 3 | Vũ Văn Cảnh | TP. Kinh doanh | 380 |
| 4 | Hoàng Ích Linh | TP. Kinh doanh | 2,000 |
| 5 | Hồ Tuấn Như | TP. Kinh doanh | 2,000 |
| 6 | Triệu Ngọc Châu | TP. Kinh doanh | 2,000 |
| 7 | Trần Văn Thường | TP. Thử nghiệm | 2,000 |

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| Chỉ tiêu (ĐVT: tỷ đồng) | TH2011 | TH2012 | KH2012 | 2012/2011 | 2012/KH 2012 |
|-------------------------|----------|----------|----------|-----------|--------------|
| Tổng sản lượng (tấn) | 6,293 | 7,529 | 7,536 | 120% | 99.9% |
| Doanh thu thuần | 1,395.83 | 1,639.97 | 1,569.46 | 117% | 104% |
| Lợi nhuận gộp | 115.23 | 77.36 | 150.58 | 67% | 51% |
| Tổng chi phí | 74.44 | 45.81 | 76.34 | 62% | 60% |
| LN trước thuế | 53.48 | 37.36 | 74.24 | 70% | 50% |
| Lợi nhuận ròng | 44.15 | 30.66 | 55.68 | 69% | 55% |

- Tổng sản lượng dây điện từ năm 2012 đạt 7.529 tấn, hoàn thành 99.9% kế hoạch 7.536 tấn năm 2012, tăng 20% so với thực hiện 6.293 tấn năm 2011.
- Tổng Doanh thu thuần đạt 1.639 tỷ đồng, hoàn thành 104% kế hoạch 1.569 tỷ năm 2012, vượt 17% so với thực hiện 1.395 tỷ năm 2011.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 30,66 tỷ đồng, hoàn thành 55% kế hoạch 55,68 tỷ năm 2012, giảm 31% so với thực hiện 44,15 tỷ năm 2011.
- ❖ Doanh thu bán hàng năm 2012 tăng 20% so với năm 2011 chủ yếu là do:
 - Sản lượng bán hàng năm 2012 tăng 33% so với năm 2011.
 - Giá nguyên liệu đầu vào bình quân năm 2012 giảm 10% so với năm 2011.
- ❖ Nhưng lợi nhuận sau thuế năm 2012 giảm 30% chủ yếu do:
 - Giá vốn hàng bán tăng 23% dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 34% so với năm 2011 (trung bình LN Gộp giảm 38 tỷ đồng).

2. Tình hình tài chính

| DIỄN GIẢI | MÃ | 31/12/2011 | 31/12/2012 |
|---|------------|--------------------|--------------------|
| A. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn | 100 | 576,526,134 | 678,194,451 |
| I. Tiền và tương đương tiền | 110 | 21,910,200 | 48,967,759 |
| II. Các khoản phải thu | 130 | 196,280,290 | 287,806,108 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 347,320,398 | 326,597,384 |
| B. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn | 200 | 100,825,807 | 110,204,019 |
| I. Tài sản cố định | 220 | 95,620,053 | 102,480,363 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | 677,351,940 | 788,398,470 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 388,618,760 | 513,856,880 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 380,189,126 | 513,856,880 |
| II. Nợ và vay dài hạn | 330 | 8,429,634 | |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 288,733,180 | 274,541,590 |
| I. Nguồn vốn CSH | 410 | 229,506,273 | 229,506,273 |
| II. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | 58,896,684 | 45,035,316 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | 677,351,940 | 788,398,470 |

Tổng tài sản năm 2012 tăng 111 tỷ so với năm 2011 (tương đương tăng 16,4%) chủ yếu do các khoản phải thu của khách hàng năm 2012 tăng 91 tỷ so với năm 2011. Tuy nhiên, công ty không phát sinh nợ khó đòi & nợ không có khả năng thu hồi.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai


Kế hoạch sản lượng bán:

| Chỉ tiêu (Đvt: tấn) | 2012 | Kế hoạch 2013 | |
|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
| | | Chỉ tiêu | 2013/2012 |
| Dây đồng trần | 2,658 | 2,400 | 90.29% |
| Dây đồng tráng men | 2,967 | 3,373 | 113.69% |
| Dây đồng dẹp | 812 | 909 | 111.93% |
| Busbar | 851 | 937 | 110.12% |
| Dây nhôm | 241 | 241 | 100.17% |
| Tổng sản lượng dây | 7,529 | 7,860 | 104.40% |

Kế hoạch kinh doanh:

| Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng) | 2011 | 2012 | Kế hoạch 2013 | |
|----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|
| | | | Chỉ tiêu | 2013/2012 |
| Doanh thu thuần | 1,395.83 | 1,639.97 | 1,719.87 | 104.87% |
| Giá vốn hàng bán | 1,280.59 | 1,562.61 | 1,623.43 | 103.89% |
| Lợi nhuận gộp | 115.23 | 77.36 | 96.44 | 124.67% |
| <i>LN gộp/Doanh thu</i> | <i>8.26%</i> | <i>4.72%</i> | <i>5.6%</i> | |
| Chi phí quản lý | 16.18 | 14.6 | 20.4 | 139.68% |
| Chi phí bán hàng | 8 | 9.2 | 14.3 | 155.63% |
| Chi phí tài chính | 50.25 | 21.9 | 18.4 | 84.24% |
| LN Trước thuế | 53.48 | 37.36 | 43.30 | 115.90% |
| <i>Thuế TNDN</i> | <i>9.33</i> | <i>6.7</i> | <i>10.8</i> | <i>161.51%</i> |
| LN Sau thuế | 44.15 | 30.66 | 32.48 | 105.93% |
| <i>LNST/Doanh thu</i> | <i>3.07%</i> | <i>1.87%</i> | <i>1.89%</i> | <i>101.01%</i> |
| EPS (Vnd/cp) | 1,925 | 1,337 | 1,317 | 98.50% |

CÔNG TY CỔ PHẦN NGÔ HAN
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ THỊ THÔNG

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012 Công ty có nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh do tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới với nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhưng chính khó khăn đó là áp lực lớn nhất cho HĐQT trong việc định hướng và cùng Ban lãnh đạo bàn các giải pháp để ổn định và tăng cường năng lực sản xuất, tìm kiếm khách hàng nhằm mục tiêu: Ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, nỗ lực cố gắng thực hiện nhiệm vụ do Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 đã giao cho HĐQT.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2012 tuy đạt mục tiêu về sản lượng và doanh thu nhưng chưa đạt mục tiêu về lợi nhuận theo mục tiêu tại đại hội cổ đông thường niên năm 2012 đề ra, nhưng kết quả đó đã thể hiện được sự nỗ lực của tập thể HĐQT:

- ❖ Tổng doanh thu đạt : 1.639,97 tỷ
- ❖ Tổng lợi nhuận sau thuế đạt : 30,66 tỷ

Các hoạt động khác của công ty được duy trì và thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động và pháp luật qui định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám Đốc đã tuân thủ đúng định hướng của HĐQT đã đề ra, thể hiện trách nhiệm cao, năng động và đoàn kết vượt qua những khó khăn, tận dụng hiệu quả những thuận lợi và các nguồn lực, đạt được kết quả cao về các chỉ tiêu hoạt động.

Trong năm 2012, BGD đã tập trung điều hành vào một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Tăng cường tiếp xúc và liên lạc với khách hàng, đàm phán hiệu quả về giá bán có lợi và phương thức thanh toán khả thi, kiểm soát tiết kiệm chi phí vận chuyển giao hàng.
- Mua thêm nguyên phụ liệu để giảm giá bình quân tồn kho; sử dụng các loại nguyên liệu hiệu quả để giảm giá thành.
- Cải tiến chính sách gia công, triển khai tốt hoạt động gia công đạt sản lượng cao.
- Đảm bảo hoạt động tạo mẫu, duyệt mẫu đáp ứng được yêu cầu thời hạn, kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm nội bộ và gia công không để xảy ra những trường hợp khách hàng phàn nàn khiếu nại đáng kể về CLSP.
- Hoạt động sửa chữa MMTB và gia công phụ tùng vật tư đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật.
- Điều độ sản xuất hợp lý và kiểm soát tốt năng suất, sản lượng, tiến độ, đáp ứng thời hạn giao hàng.
- Triển khai hiệu quả các chương trình:
 - Giám phê phẩm và chống sót lỗi.
 - Kiểm soát thời gian ngừng máy.

- Tiết kiệm điện, nhiên liệu, chi phí vật tư kỹ thuật, vật tư văn phòng phẩm.
- Đề xuất và triển khai chính sách lương, thưởng hợp lý có thể nâng cao thu nhập, kích thích năng suất lao động và kết quả công việc của cán bộ nhân viên và công nhân.
- Duy trì tốt các quan hệ với các cơ quan thẩm quyền chức năng; đảm bảo thông tin liên lạc, quan hệ lao động ANTT, PCCC, vệ sinh ATLD trong nội bộ công ty
- Kiểm soát chặt chẽ thu chi, thanh toán; theo dõi công nợ. Quản lý điều phối tốt dòng tiền không để xảy ra bất cập nào về ngân sách và thanh toán.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2013 dự báo tình hình kinh tế còn gặp rất nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro vì lĩnh vực đầu tư XDCB về hệ thống lưới điện và công nghiệp có liên quan đến ngành nghề của công ty còn nhiều bất ổn từ định hướng nguồn vốn đầu tư năm nay của chính phủ và các chủ đầu tư khác.

Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng định hướng của HĐQT: Bằng mọi giải pháp để ổn định và phát triển SXKD với các chỉ tiêu kinh tế năm 2013 dự kiến là:

- Tổng sản lượng = 7.860 tấn (tăng 4,4% so năm 2012)
- Doanh thu thuần = 1.679 tỷ (tăng 2,43% so năm 2012)
- Lợi nhuận sau thuế = 32,475 tỷ (tăng 5,9% so năm 2012)

Để thực hiện được mục tiêu trên HĐQT xác định phương hướng nhiệm vụ như sau:

- Chỉ đạo hoạt động của doanh nghiệp đảm bảo ổn định và phát triển. Bằng mọi giải pháp hoàn thành mục tiêu kế hoạch 2013 do ĐHCĐ năm 2013 đề ra
- Tăng cường công tác dự báo thị trường, nâng cao năng lực quản trị, chỉ đạo và kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn doanh nghiệp
- Phát triển sản phẩm mới phù hợp để đảm bảo tính đa dạng trong SXCN.
- Tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành có hiệu quả cao nhất để thực hiện nhiệm vụ.
- Rà soát và tiếp tục hoàn thiện các qui chế về quản trị nội bộ công ty, trong đó chú trọng đến việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy công ty, Bổ nhiệm các thành viên của bộ máy quản lý, Cơ chế thù lao cho bộ máy quản lý, giám sát,

Tp.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2013.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGÔ THỊ THÔNG

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

❖ Bà Ngô Thị Thông – Chủ tịch

| | |
|---------------------------|--|
| Trình độ chuyên môn: | Đại học Tài chính Kế toán |
| Quá trình công tác: | |
| - Từ 01/ 2006 - nay | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ngô Han |
| - Trước 01/ 2006 | Cố đồng sáng lập Công ty Cổ phần Ngô Han |
| Đại diện: | 0 cổ phần |
| Cá nhân: | 5.826.743 cổ phần |
| Những người có liên quan: | Nguyễn Vũ Dương (con): 2.216.709 Nguyễn Văn Vũ Lượng (con): 1.497.776 |

❖ Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên

| | |
|----------------------|---|
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh quốc tế. |
| Quá trình công tác: | |
| - Từ 2010 – nay | Phó Tổng Giám Đốc, Khối Tài Chính – Kinh Doanh – Đầu tư, CTCP Ngô Han |
| - Từ 2005 - 05/2010 | Giám đốc Tài chính - Quản trị - Quan hệ đầu tư - CTCP Ngô Han |
| - 2002-2005: | Phó Giám đốc Chi nhánh - Cty Bình Tiên (Biti's) |
| - 2000-2002: | Kế toán viên - SGE-Schiendler JV Co., |
| Đại diện: | 0 cổ phần |
| Cá nhân: | 9.099 cổ phần |

❖ Ông Huỳnh Quốc Thái – Thành viên

| | |
|----------------------|---|
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư Điện - Điện tử. |
| Quá trình công tác: | |
| - Từ 05/2010 – nay | Phó Tổng Giám Đốc, Khối Sản xuất – CTCP Ngô Han |

| | |
|-------------------------|----------------------------------|
| - Từ 02/ 1998 – 05/2010 | Giám đốc Sản xuất – CTCP Ngô Han |
| Đại diện: | 0 cổ phần |
| Cá nhân: | 18.179 cổ phần |

❖ Ông Trịnh Minh Hưng – Thành viên

| | |
|-----------------------------------|---|
| Trình độ chuyên môn: | Cao học Tài chính Ngân hàng. |
| Đại diện: | 2.499.573 cổ phần |
| Cá nhân: | 0 cổ phần |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | Đại diện phần vốn góp của Ngân Hàng BIDV. |

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của HĐQT: HĐQT đã tổ chức họp 5 lần với các nội dung chính như sau:

- Lần 1: ngày 09/02/2012.
 - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2011.
 - Báo cáo kế hoạch năm 2012.
- Lần 2: ngày 25/05/2012.
 - Báo cáo kết quả hoạt động 4 tháng đầu năm 2012.
 - Báo cáo tình hình triển khai dự án.
 - Thực hiện mục tiêu 2012.
 - Nhiệm vụ trọng tâm đến tháng 9/2012.
 - Thay đổi thành viên HĐQT.
- Lần 3: ngày 25/05/2012.
 - Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2012.
 - Kế hoạch phát triển kinh doanh.
 - Nhiệm vụ trọng tâm đến tháng 09/2012.
- Lần 4: ngày 06/11/2012.
 - Báo cáo kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2012.
 - Tình hình triển khai định hướng phát triển kinh doanh.
 - Nhiệm vụ trọng tâm đến tháng 09/2012.
 - Thay đổi thành viên HĐQT, BKS.
- Lần 5: ngày 02/01/2013.
 - Báo cáo kết quả hoạt động 11 tháng đầu năm 2012.
 - Tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2012.
 - Kế hoạch kinh doanh năm 2013.
 - Các mục tiêu năm 2013.
 - Các nội dung trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013.

Thay đổi thành viên HĐQT:

- Ông Trịnh Minh Hưng – Phó GD BIDV chi nhánh HCM làm TV.HĐQT thay cho Ông Nguyễn Huy Hùng.
- Ông Nguyễn Khánh Linh – Thôi giữ chức TV.HĐQT. Lý do: theo nguyện vọng cá nhân.

2. Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

❖ Bà Nguyễn Anh Khuê

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng.

Hiện tại là Phó phòng Kế hoạch Tổng hợp Ngân hàng ĐT&PT VN (BIDV), chi nhánh Tp.HCM.

❖ Ông Đỗ Xuân Phúc

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Hiện tại là Trưởng phòng Marketing và Quan hệ đầu tư Công ty Cổ phần Ngô Han.
Số cổ phần nắm giữ: 2.000 cổ phần.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm Soát đã chú trọng đến những hoạt động giám sát, kiểm tra trên một số lĩnh vực sau:

- Giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2012 đã được Đại Hội Cổ Đông thông qua.
- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo, điều hành các đơn vị trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho ban lãnh đạo, điều hành Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD & BKS:

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

➤ Thù lao HĐQT – BKS:

| Thù lao | 2011 | 2012 | 2012/2011 |
|------------------|--------------------|--------------------|-------------|
| HĐQT | 96,000,000 | 246,940,525 | 157% |
| BKS | 36,000,000 | 60,965,367 | 69% |
| Tổng cộng | 132,000,000 | 307,905,892 | 133% |

➤ Chi cổ tức năm 2012: Theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Ngô Han (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 34. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 10-01-189



Phạm Hùng Thuận
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Lê Đức Phong
Lê Đức Phong
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0465/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 15 tháng 3 năm 2013

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty Cổ phần Ngô Han
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 669.289.226.601 | 568.062.196.465 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 48.522.459.745 | 22.072.363.390 |
| Các khoản phải thu | 130 | 5 | 307.054.190.215 | 187.322.294.256 |
| Phải thu khách hàng | 131 | | 293.548.731.075 | 168.869.946.284 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 11.585.546.843 | 15.858.521.894 |
| Phải thu khác | 135 | | 2.187.626.714 | 3.163.128.650 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 139 | | (267.714.417) | (569.302.572) |
| Hàng tồn kho | 140 | 6 | 301.329.244.154 | 347.320.398.326 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 12.383.332.487 | 11.347.140.493 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.068.133.048 | 2.195.180.605 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 11.227.420.509 | 8.961.457.626 |
| Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước | 154 | | 80.995.798 | 8.180.156 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 6.783.132 | 182.322.106 |
| Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260) | 200 | | 118.204.018.523 | 100.825.806.643 |
| Tài sản cố định | 220 | | 102.480.362.850 | 95.620.052.820 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 7 | 66.891.869.703 | 56.870.155.698 |
| Nguyên giá | 222 | | 180.232.073.273 | 157.902.239.505 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (113.340.203.570) | (101.032.083.807) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 8 | 14.777.451.750 | 15.331.802.250 |
| Nguyên giá | 228 | | 16.954.389.818 | 16.954.389.818 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.176.938.068) | (1.622.587.568) |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 9 | 20.811.041.397 | 23.418.094.872 |
| Đầu tư dài hạn | 250 | 10 | 8.000.000.000 | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 7.723.655.673 | 5.205.753.823 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 3.069.898.414 | 5.025.480.820 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 180.273.003 | 180.273.003 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | 4.473.484.256 | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 787.493.245.124 | 668.888.003.108 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Ngân Hàng
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

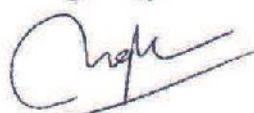
| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 512.818.377.221 | 379.127.902.401 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 512.818.377.221 | 370.884.649.042 |
| Vay ngắn hạn | 311 | 12 | 388.189.565.523 | 233.891.955.549 |
| Phải trả người bán | 312 | | 12.262.827.925 | 97.601.653.790 |
| Người mua ứng trước | 313 | | 937.960.441 | 306.043.616 |
| Thuế phải nộp Ngân sách nhà nước | 314 | 13 | 14.364.792.696 | 14.867.629.598 |
| Phải trả người lao động | 315 | | 1.450.097.000 | 31.622.517 |
| Chi phí phải trả | 316 | 14 | 89.840.798.813 | 22.179.625.537 |
| Phải trả nội bộ | 317 | | 6.500.000 | 6.000.000 |
| Phải trả khác | 319 | 15 | 5.765.834.823 | 2.000.118.435 |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | 8.243.253.359 |
| Vay dài hạn | 334 | 16 | - | 7.098.633.000 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 336 | 17 | - | 1.144.620.359 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 274.674.867.903 | 289.760.100.707 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 18 | 274.674.867.903 | 289.760.100.707 |
| Vốn cổ phần | 411 | 19 | 229.506.273.435 | 229.506.273.435 |
| Cổ phiếu quỹ | 413 | | (127.160.000) | (127.160.000) |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 127.160.000 | 127.160.000 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 45.168.594.468 | 60.253.827.272 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 787.493.245.124 | 668.888.003.108 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| Nợ khó đòi đã xử lý | 231.200.055 | - |
| Ngoại tệ (USD, EUR, GBP) | 352.985.787 | 507707.909 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập:



 Nguyễn Thị Hương
 Kế toán trưởng

 Ngô Thị Thông
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Ngân Hàng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B 02 - DN

| | Mã số | Thuyết minh | 2012 VND | 2011 VND |
|--|-------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Tổng doanh thu | 01 | 20 | 1.658.546.862.053 | 1.396.477.495.390 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | (968.032.948) | (651.033.959) |
| Doanh thu thuần (10 = 01 + 02) | 10 | | 1.657.578.829.105 | 1.395.826.461.431 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 21 | (1.580.979.262.024) | (1.280.593.454.915) |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11) | 20 | | 76.599.567.081 | 115.233.006.516 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 22 | 4.551.831.873 | 12.558.799.722 |
| Chi phí tài chính | 22 | 23 | (21.876.806.222) | (50.253.650.261) |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | (16.976.489.097) | (17.611.611.555) |
| Chi phí bán hàng | 24 | | (8.351.858.194) | (8.004.463.991) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | (14.593.274.198) | (16.184.755.842) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25) | 30 | | 36.329.460.340 | 53.348.936.144 |
| Thu nhập khác | 31 | 24 | 1.261.380.040 | 139.406.877 |
| Chi phí khác | 32 | | (134.182.232) | (8.177.877) |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32) | 40 | | 1.127.197.808 | 131.229.000 |
| Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 37.456.658.148 | 53.480.165.144 |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | 51 | 25 | (6.666.068.952) | (9.330.650.337) |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | 52 | 25 | - | - |
| Lợi nhuận thuần sau thuế (60 = 50 + 51 + 52) | 60 | | 30.790.589.196 | 44.149.514.807 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 26 | 1.342 | 1.925 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Thị Hương



Ngô Thị Thông

Công ty Cổ phần Ngô Han
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

| | Mã số | Thuyết minh | 2012 VND | 2011 VND |
|--|-----------|----------------|-------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 37.456.658.148 | 53.480.165.144 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 13.180.909.263 | 12.397.971.173 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | (1.157.669.459) | 438.102.517 |
| Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 04 | | 134.714.515 | (2.183.069.477) |
| Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư | 05 | | (688.829.240) | (1.360.533.968) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 16.976.489.097 | 17.611.611.555 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 65.902.272.324 | 80.384.246.944 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | (121.824.747.410) | 77.396.912.639 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | 37.991.154.172 | 32.634.735.248 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (8.172.835.321) | (11.162.340.561) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 3.503.485.993 | (1.441.141.513) |
| | | | (22.600.670.242) | 177.812.412.757 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (17.639.872.910) | (16.906.352.631) |
| Thuế thu nhập đã nộp | 14 | | (13.470.796.193) | (2.966.965.398) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh | 20 | | (53.711.339.345) | 157.939.094.728 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

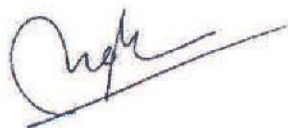
Công ty Cổ phần Ngô Hạn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

| | Mã số | Thuyết minh | 2012 VND | 2011 VND |
|--|-----------|----------------|-------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (24.935.559.579) | (42.495.307.301) |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | | 120.000.000 | - |
| Thu lãi tiền gửi | 27 | | 568.829.240 | 1.360.533.968 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư | 30 | | (24.246.730.339) | (41.134.773.333) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Thu từ vay ngắn hạn và dài hạn | 33 | | 1.364.993.469.385 | 1.160.965.629.296 |
| Chi trả nợ gốc vay | 34 | | (1.217.883.690.746) | (1.260.526.850.020) |
| Chi trả cổ tức | 36 | | (42.701.612.600) | (12.855.930.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính | 40 | | 104.408.166.039 | (112.417.150.724) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 26.450.096.355 | 4.387.170.671 |
| Tiền và các khoản tương đương đầu năm | 60 | | 22.072.363.390 | 17.523.029.503 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền | 61 | | - | 162.163.216 |
| Tiền và các khoản tương đương cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | | 48.522.459.745 | 22.072.363.390 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương đương tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà xưởng | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc | 4 – 12 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 8 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng không xác định được ghi theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn gồm công cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Ngân Hàng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bàng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(n) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

Công ty Cổ phần Ngân hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và bán dây cáp điện và trên một bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 233.292.604 | 277.596.336 |
| Tiền gửi ngân hàng | 699.233.015 | 3.750.389.500 |
| Tương đương tiền | 47.589.934.126 | 18.044.377.554 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 48.522.459.745 | 22.072.363.390 |

Công ty Cổ phần Ngân Hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu cổ các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Phải thu từ công ty con | | |
| Thương mại | 19.446.037.087 | - |

Khoản phải thu thương mại từ công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012 các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 51.965 triệu VND (31/12/2011: 49.132 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Tạm ứng | 1.956.499.208 | 2.675.335.752 |
| Ký quỹ ngắn hạn | 208.144.500 | 485.666.692 |
| Phải thu khác | 22.983.006 | 2.126.206 |
| | 2.187.626.714 | 3.163.128.650 |

6. Hàng tồn kho

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Hàng mua đang đi đường | 87.319.931.630 | 77.377.246.804 |
| Nguyên vật liệu | 45.989.291.612 | 35.457.135.995 |
| Công cụ và dụng cụ | 8.294.213.146 | 3.852.489.864 |
| Sản phẩm dở dang | 2.549.760.490 | 1.689.248.632 |
| Thành phẩm | 156.794.337.843 | 221.307.817.359 |
| Hàng hóa | 381.709.433 | 7.636.459.672 |
| | 301.329.244.154 | 347.320.398.326 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 214.603 triệu VND (31/12/2011: 54.598 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Ngõ Han

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà xưởng VND | Máy móc VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 12.135.218.166 | 136.877.555.549 | 1.581.611.512 | 7.307.854.278 | 157.902.239.505 |
| Tăng trong năm | - | 133.299.200 | - | 1.595.816.364 | 1.729.115.564 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 11.039.294.071 | 8.970.772.224 | - | 909.090.909 | 20.919.157.204 |
| Thanh lý | - | (318.439.000) | - | - | (318.439.000) |
| Số dư cuối năm | 23.174.512.237 | 145.663.187.973 | 1.581.611.512 | 9.812.761.551 | 180.232.073.273 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.117.517.412 | 90.162.233.007 | 1.084.954.652 | 4.667.378.756 | 101.032.083.807 |
| Khấu hao trong năm | 668.840.621 | 10.900.843.331 | 208.668.387 | 848.206.424 | 12.626.558.763 |
| Thanh lý | - | (318.439.000) | - | - | (318.439.000) |
| Số dư cuối năm | 5.786.358.033 | 100.744.637.338 | 1.293.623.039 | 5.515.585.160 | 113.340.203.570 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 7.017.700.754 | 46.715.322.542 | 496.656.860 | 2.640.475.542 | 56.870.155.698 |
| Số dư cuối năm | 17.388.154.204 | 44.918.550.635 | 287.988.473 | 4.297.176.391 | 66.891.869.703 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 41.469 triệu VND đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 23.634 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 15.225 triệu VND (31/12/2011: 21.590 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Ngân Hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm vi tính VND | Tổng VND |
|---------------------------------|-----------------------------|----------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 14.685.060.000 | 2.269.329.818 | 16.954.389.818 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | - | 1.622.587.568 | 1.622.587.568 |
| Khấu hao trong năm | - | 554.350.500 | 554.350.500 |
| Số dư cuối năm | - | 2.176.938.068 | 2.176.938.068 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 14.685.060.000 | 646.742.250 | 15.331.802.250 |
| Số dư cuối năm | 14.685.060.000 | 92.391.750 | 14.777.451.750 |

9. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2012 VND | 2011 VND |
|---------------------------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 23.418.094.872 | 4.757.867.194 |
| Tăng trong năm | 18.732.959.759 | 41.159.126.538 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (20.919.157.204) | (7.813.838.860) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | - | (14.685.060.000) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (420.856.030) | - |
| Số dư cuối năm | 20.811.041.397 | 23.418.094.872 |

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|------------------|-------------------|-------------------|
| Máy móc | 17.668.077.447 | 16.905.466.264 |
| Nhà xưởng | 3.086.614.950 | 6.456.279.608 |
| Phần mềm vi tính | 56.349.000 | 56.349.000 |
| | 20.811.041.397 | 23.418.094.872 |

10. Đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn là khoản đầu tư vào công ty con, chi tiết công ty con như sau:

| Công ty con | Hoạt động chính | Phần trăm sở hữu | VND |
|--|--|---------------------|---------------|
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Ngô Han | Mua bán kim loại, quặng kim loại, máy móc và thiết bị và linh kiện điện tử; lắp đặt mạng lưới điện; bán lẻ đồ gia dụng; mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc nông nghiệp. | 100% | 8.000.000.000 |

11. Chi phí trả trước dài hạn

| | Công cụ | |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| | 2012 VND | 2011 VND |
| Số dư đầu năm | 5.025.480.820 | 4.297.137.318 |
| Tăng trong năm | 2.903.464.227 | 5.037.567.775 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 420.856.030 | - |
| Phân bổ trong năm | (5.279.902.663) | (4.309.224.273) |
| | 3.069.898.414 | 5.025.480.820 |

Công ty Cổ phần Ngân hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

12. Vay ngắn hạn

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--------------|-------------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn | 388.189.565.523 | 233.891.955.549 |

Điều kiện và điều khoản của khoản vay ngắn hạn như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất (năm) | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|-----------------------|-----------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Khoản vay ngân hàng 1 | VND | 9% | 37.693.388.936 | 22.172.089.025 |
| Khoản vay ngân hàng 2 | USD | 5% - 6% | 350.496.176.587 | 168.498.958.011 |
| Khoản vay ngân hàng 3 | HKD | - | - | 43.220.908.513 |
| | | | 388.189.565.523 | 233.891.955.549 |

Khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 15.225 triệu VND (31/12/2011: 21.590 triệu VND); các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 51.965 triệu VND (31/12/2011: 49.132 triệu VND) và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 214.603 triệu VND (31/12/2011: 54.598 triệu VND).

13. Thuế phải nộp Ngân sách nhà nước

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 11.853.591.387 | 5.536.252.315 |
| Thuế nhập khẩu | 145.254.349 | 116.033.914 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.365.946.960 | 9.170.674.201 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 44.669.168 |
| | 14.364.792.696 | 14.867.629.598 |

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

14. Chi phí phải trả

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|-------------------------|-------------------|-------------------|
| Hoa hồng cho khách hàng | - | 154.519.719 |
| Chi phí lãi vay | 585.000.170 | 1.248.383.983 |
| Lương tháng 13 | 2.574.550.069 | 2.273.887.350 |
| Phí dịch vụ chuyên môn | 104.767.344 | 105.470.000 |
| Mua nguyên vật liệu | 86.576.481.230 | 18.397.364.485 |
| | 89.840.798.813 | 22.179.625.537 |

15. Phải trả khác

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Bảo hiểm xã hội | 815.952.212 | 339.005.229 |
| Tài sản thừa chờ xử lý | 292.411.644 | 295.710.325 |
| Nguyên vật liệu giữ hộ để gia công | 37.644.923 | 37.644.923 |
| Cổ tức phải trả | 4.156.946.273 | 982.736.873 |
| Phải trả khác | 462.879.771 | 345.021.085 |
| | 5.765.834.823 | 2.000.118.435 |

16. Vay dài hạn

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Vay dài hạn phải trả sau 12 tháng | - | 7.098.633.000 |
| | | |

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

| | 2012 VND | 2011 VND |
|------------------------------|-----------------|---------------|
| Số dư đầu năm | 1.144.620.359 | 1.161.324.359 |
| Lập dự phòng trong năm | - | 100.000.000 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (57.339.000) | (116.704.000) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (1.087.281.359) | - |
| Số dư cuối năm | - | 1.144.620.359 |

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đóng 89 triệu VND (31/12/2011: 72,3 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng vốn chủ sở hữu VND |
|--|------------------------|----------------------|---|------------------------------------|-------------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011 | 229.506.273.435 | (766.560.000) | 766.560.000 | 27.579.626.137 | 257.085.899.572 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | (766.560.000) | - | - |
| Cổ phiếu quỹ phát hành lại | - | 766.560.000 | - | - | - |
| Cổ phiếu quỹ thu lại từ các nhân viên đã nghỉ việc | - | (127.160.000) | 127.160.000 | - | - |
| Cổ tức | - | - | - | (11.475.313.672) | (11.475.313.672) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 229.506.273.435 | (127.160.000) | 127.160.000 | 60.253.827.272 | 289.760.100.707 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 30.790.589.196 | 30.790.589.196 |
| Cổ tức (Thuyết minh 27) | - | - | - | (45.875.822.000) | (45.875.822.000) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 229.506.273.435 | (127.160.000) | 127.160.000 | 45.168.594.468 | 274.674.867.903 |

Công ty Cổ phần Ngân Hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

| | 31/12/2012 | | 31/12/2011 | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 22.950.627 | 229.506.273.435 | 22.950.627 | 229.506.273.435 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 22.950.627 | 229.506.273.435 | 22.950.627 | 229.506.273.435 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | (12.716) | (127.160.000) | (12.716) | (127.160.000) |
| Số cổ phiếu hiện đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 22.937.911 | 229.379.113.435 | 22.937.911 | 229.379.113.435 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

| | 2012 | | 2011 | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Số dư đầu năm | 22.937.911 | 229.379.113.435 | 22.873.971 | 228.739.713.435 |
| Cổ phiếu quỹ phát hành lại | - | - | 76.656 | 766.560.000 |
| Cổ phiếu quỹ thu lại từ các nhân viên đã nghỉ việc | - | - | (12.716) | (127.160.000) |
| Số dư cuối năm | 22.937.911 | 229.379.113.435 | 22.937.911 | 229.379.113.435 |

Công ty Cổ phần Ngân Hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán trên hóa đơn chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

21. Giá vốn hàng bán

| | 2012 VND | 2011 VND |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Thành phẩm đã bán | 1.325.820.649.038 | 1.022.292.002.854 |
| Nguyên vật liệu đã bán | 232.468.194.783 | 257.387.448.358 |
| Hàng hóa mua để bán | 22.601.531.140 | 914.003.703 |
| Khác | 88.887.063 | - |
| | 1.580.979.262.024 | 1.280.593.454.915 |

22. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--------------------------------------|---------------|----------------|
| Thu lãi tiền gửi | 568.829.240 | 1.360.533.968 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 3.907.006.960 | 8.964.887.023 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 75.995.673 | 2.233.378.731 |
| | 4.551.831.873 | 12.558.799.722 |

23. Chi phí tài chính

| | 2012 VND | 2011 VND |
|-------------------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí lãi vay | 16.976.489.097 | 17.611.611.555 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 4.689.606.937 | 32.591.729.452 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 210.710.188 | 50.309.254 |
| | 21.876.806.222 | 50.253.650.261 |

Công ty Cổ phần Ngân Hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

24. Thu nhập khác

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--|---------------|-------------|
| Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình | 120.000.000 | - |
| Bán phế liệu | 30.000.000 | 139.406.877 |
| Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc | 1.087.281.359 | - |
| Thu nhập khác | 24.098.681 | - |
| | 1.261.380.040 | 139.406.877 |

25. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 2012 VND | 2011 VND |
|------------------------|---------------|---------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 6.666.068.952 | 9.330.650.337 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 37.456.658.148 | 53.480.165.144 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 9.364.164.537 | 13.370.041.286 |
| Ưu đãi thuế | (2.731.652.394) | (4.039.390.949) |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 33.556.809 | - |
| | 6.666.068.952 | 9.330.650.337 |

Theo Nghị quyết số 60/NQ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, hoạt động của Công ty đáp ứng đủ điều kiện doanh nghiệp vừa và nhỏ do đó Công ty được giảm 30% thuế thu nhập cho năm 2012.

Công ty Cổ phần Ngân hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 30.790.589.196 VND (31/12/2011: 44.149.514.807 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 22.937.911 (31/12/2011: 22.937.911) được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--|----------------|----------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm | 30.790.589.196 | 44.149.514.807 |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 30.790.589.196 | 44.149.514.807 |

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

| | 2012 | 2011 |
|--|------------|------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm | 22.937.911 | 22.873.971 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ thưởng cho Tổng Giám đốc và nhân viên | - | 76.656 |
| Ảnh hưởng của việc thu lại cổ phiếu quỹ từ nhân viên nghỉ việc | - | (12.716) |
| Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông cuối năm | 22.937.911 | 22.937.911 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Ngân hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Cổ tức

Vào ngày 29 tháng 2 năm 2012 và ngày 19 tháng 11 năm 2012, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối số cổ tức còn lại cho năm 2011 là 45.876 triệu VND, tương đương 20% mệnh giá bằng tiền mặt.

28. Công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ việc sử dụng các công cụ tài chính như sau:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này trình bày thông tin về nguy cơ của Công ty đối với từng rủi ro trên, mục tiêu, chính sách và phương pháp quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một khách hàng hoặc bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

| | Thuyết minh | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--|-------------|-------------------|-------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | (ii) | 48.289.167.141 | 21.794.767.054 |
| Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác | (iii) | 295.468.643.372 | 171.463.772.362 |
| | | 343.757.810.513 | 193.258.539.416 |

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ngân Hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc tính cá nhân của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

| | Số dư gộp 31/12/2012 VND | Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2012 VND | Số dư gộp 31/12/2011 VND | Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND |
|--------------------------|--------------------------------|---|--------------------------------|---|
| Trong hạn | 232.938.338.522 | - | 115.736.679.005 | - |
| Quá hạn từ 0 – 30 ngày | 26.256.874.263 | - | 25.017.449.914 | - |
| Quá hạn từ 31 – 180 ngày | 35.055.497.351 | - | 31.278.946.015 | (569.302.572) |
| Quá hạn trên 180 ngày | 1.485.647.653 | (267.714.417) | - | - |
| | 295.736.357.789 | (267.714.417) | 172.033.074.934 | (569.302.572) |

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | 2012 VND | 2011 VND |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm | 569.302.572 | 231.200.055 |
| Tăng dự phòng trong năm | - | 338.102.517 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (231.200.055) | - |
| Hoàn nhập | (70.388.100) | - |
| Số dư cuối năm | 267.714.417 | 569.302.572 |

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Ngân Hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

| | Giá trị ghi sổ VND | Dòng tiền theo hợp đồng VND | Trong vòng 1 năm VND |
|--|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------|
| Các khoản phải trả người bán và phải trả khác | 109.326.058.561 | 109.326.058.561 | 109.326.058.561 |
| Các khoản vay ngắn hạn | 388.189.565.523 | 393.130.981.434 | 393.130.981.434 |
| | 497.515.624.084 | 502.457.039.995 | 502.457.039.995 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

| | Giá trị ghi sổ VND | Dòng tiền theo hợp đồng VND | Trong vòng 1 năm VND | 1 – 2 năm VND | 2 – 5 năm VND |
|---|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Các khoản phải trả người bán và phải trả khác | 121.819.020.279 | 121.819.020.279 | 121.819.020.279 | - | - |
| Các khoản vay ngắn hạn | 233.891.955.549 | 237.399.594.581 | 237.399.594.581 | - | - |
| Các khoản vay dài hạn | 7.098.633.000 | 8.201.840.982 | 414.561.382 | 1.985.046.194 | 5.802.233.406 |
| | 362.809.608.828 | 367.420.455.842 | 359.633.176.242 | 1.985.046.194 | 5.802.233.406 |

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả nội bộ và phải trả khác.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Ngân Hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là nhằm quản lý và giám sát rủi ro thị trường trong mức chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

(i) Rủi ro tiền tệ

Công ty phải chịu rủi ro tiền tệ đối với các khoản bán, mua và vay có gốc bằng một đơn vị tiền tệ khác VND. Các giao dịch này chủ yếu có gốc bằng Đô la Mỹ (USD) và Đồng Euro (EUR).

Rủi ro tiền tệ của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro này ở mức chấp nhận được bằng các mua vào hoặc bán ra ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý mức rủi ro quá cao trong ngắn hạn.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

| | 31 tháng 12 năm 2012 | | | 31 tháng 12 năm 2011 | | | |
|------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------|----------------------|------------------|---------------------|-----------|
| | USD | EUR | GBP | USD | EUR | HKD | GBP |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 16.897 | 6 | 57 | 24,390 | 6 | - | 58 |
| Phải thu khách hàng | 84.905 | - | - | - | - | - | - |
| Phải trả người bán | (221.596) | (52.600) | - | (4.206.943) | (52.600) | - | - |
| Vay ngắn hạn | (16.802.310) | - | - | (8.090.021) | - | (16,121,189) | - |
| Vay dài hạn | - | - | - | - | (263.000) | - | - |
| | (16.922.104) | (52.594) | 57 | (12.272.574) | (315.594) | (16,121,189) | 58 |

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

| | Tỷ giá tại ngày 31/12/2012 | Tỷ giá tại ngày 31/12/2011 |
|-------|-------------------------------|-------------------------------|
| 1 USD | 20,860 | 20,828 |
| 1 EUR | 27,712 | 26,991 |
| 1 GBP | 33,430 | 32,333 |

Công ty Cổ phần Ngân hàng
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**
Mẫu B 09 – DN
Phân tích độ nhạy cảm

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

| | Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần VND |
|----------------------------------|---|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2012 | |
| USD (tăng 0,15%) | (444.718.223) |
| EUR (tăng 2,67%) | (31.925.243) |
| GBP (tăng 3,39%) | 53.013 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2011 | |
| USD (tăng 10%) | (21.132.858.607) |
| HKD (tăng 10%) | (3.598.003.201) |
| EUR (tăng 6%) | (448.489.487) |
| GBP (tăng 9%) | 145.707 |

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

| | Giá trị ghi sổ | |
|---|-----------------------|-------------------|
| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| | VND | VND |
| Các công cụ tài chính có lãi suất cố định | | |
| Tài sản tài chính – tiền và các khoản trong tương lai | 48.289.167.141 | 21.794.767.054 |
| Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi | | |
| Nợ phải trả tài chính – vay | (388.189.565.523) | (240.990.588.549) |

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 3.183 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn.

(ii) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính có thể khác với giá trị ghi sổ như sau:

| | Giá trị ghi sổ | |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
| Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu: | | |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 48.289.167.141 | 21.794.767.054 |
| - Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác | 295.736.357.789 | 172.033.074.934 |
| Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: | | |
| - Các khoản phải trả người bán và phải trả khác | (109.326.058.561) | (121.819.020.279) |
| - Các khoản vay | (388.189.565.523) | (240.990.588.549) |
| | (153.490.099.154) | (168.981.766.840) |

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--|---------------|-------------|
| Đầu tư vào công ty con bằng hàng tồn kho | 8.000.000.000 | - |

Công ty Cổ phần Ngân hàng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|---------------|
| | 2012 VND | 2011 VND |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Ngân hàng – công ty con | | |
| Bán hàng hóa | 21.515.727.150 | - |
| Mua hàng hóa | 13.465.632 | - |
| Góp vốn bằng hàng tồn kho | 8.000.000.000 | - |
| Thành viên Ban Giám đốc | | |
| Thù lao cho Ban Giám đốc | 3.386.411.000 | 2.061.384.960 |

31. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 882.726.413 | 6.684.415.060 |

(b) Thuế

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Trong vòng một năm | 895.524.000 | 1.125.580.380 |
| Từ hai đến năm năm | 1.542.096.000 | 1.878.096.000 |
| Trên năm năm | 1.078.815.000 | 1.119.466.000 |
| | 3.516.435.000 | 4.123.142.380 |

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2012 VND | 2011 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 2.923.618.881.883 | 1.071.370.121.353 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 22.686.272.628 | 19.362.786.008 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 13.180.909.263 | 12.397.971.173 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 32.338.038.737 | 21.734.138.757 |
| Chi phí khác | 14.274.605.570 | 23.314.795.709 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

TP.HCM, Ngày 12 tháng 04 năm 2013.
CÔNG TY CỔ PHẦN NGÔ HAN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Thông